

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 02 /2017/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 04 tháng 3 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật. Hàng năm, vào kỳ họp cuối năm Ủy ban nhân dân

tình báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa IX, kỳ họp thứ 6 (bất thường) thông qua ngày 03 tháng 3 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC, TP, LĐ-TB&XH, TT và TT, NN&PTNT; UBND;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh ST;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Email: phongkiemtravanban2012@gmail.com;
- TT. HĐND, UBND huyện, thị xã;
- Lưu: VT.



Lâm Văn Mẫn

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ngành liên quan, các huyện, thị xã và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 (dưới đây gọi tắt là sở, ngành và các địa phương).

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020.

4. Ưu tiên bố trí vốn cho các xã, ấp, khóm có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đông đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần thu hẹp dần

khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các địa phương trong tỉnh.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 3. Những quy định cụ thể

1. Tiêu chí phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp cho các địa phương gồm 02 nhóm sau đây:

- Tiêu chí dân số và dân tộc thiểu số.
- Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.

2. Công thức tính tổng vốn hỗ trợ cho huyện, thị xã trong tỉnh

- Xã, phường, thị trấn thuộc chương trình sau đây gọi là xã;
- Khóm, ấp đặc biệt khó khăn thuộc chương trình được đầu tư gọi là ấp.

Công thức tính như sau:

$$V_h = \sum_{i=1}^n K x H_i$$

V_h : Tổng vốn phân bổ cho huyện, thị xã;

n : Số xã của huyện, thị xã;

K : Mức vốn cho 01 điểm hệ số;

H_i : Tổng hệ số của xã i .

$$K = \frac{V}{H}$$

V : Tổng vốn của chương trình;

H : Tổng hệ số của các xã, trong đó:

$$H = \sum_{i=1}^n H_i$$

Trong đó n là tổng số xã thuộc chương trình.

3. Cách tính hệ số (H_i)

Quy định các ký hiệu như sau:

- N_{xa} là tỷ lệ hộ nghèo của xã;
- N_{ti} là tỷ lệ hộ nghèo bình quân của tỉnh;
- sN_{xa} là số hộ nghèo của xã;
- sN_{ti} là số hộ nghèo bình quân 01 xã của tỉnh;
- D_{xa} là tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số của xã;
- D_{ti} là tỷ lệ dân tộc thiểu số của tỉnh.

a) Chương trình 135

$$H_i = (h_1 + h_2) \times (1 + h_3 + h_4)$$

- Hệ số $h_1 = 10$ - là xã đặc biệt khó khăn (khu vực III).
- Hệ số $h_2 = 1,8m$, trong đó m là tổng số ấp của xã.
- Hệ số h_3 (tỷ lệ hộ nghèo của xã).

- + $h_3 = 0$ nếu $N_{xa} < N_{ti}$
- + $h_3 = 0,02$ nếu $N_{xa} \leq 1,2$ lần N_{ti}
- + $h_3 = 0,03$ nếu $N_{xa} \leq 1,4$ lần N_{ti}
- + $h_3 = 0,04$ nếu $N_{xa} \leq 1,6$ lần N_{ti}
- + $h_3 = 0,05$ nếu $N_{xa} > 1,6$ lần N_{ti}

- Hệ số h_4 (tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số của xã)

- + $h_4 = 0,04$ nếu $D_{xa} \leq D_{ti}$
- + $h_4 = 0,05$ nếu $D_{xa} > D_{ti}$

b) Dự án hỗ trợ sản xuất xã bãi ngang và xã ngoài Chương trình 135

$$H_i = (h_1 + h_2)$$

- Hệ số h_1

- $h_1 = 0,55$ nếu $N_{xa} \leq N_{ti}$
- $h_1 = 0,60$ nếu $N_{xa} > N_{ti}$

- Hệ số h_2

- $h_2 = 0,6$ nếu $sN_{xa} \leq sN_{ti}$
- $h_2 = 0,7$ nếu $sN_{xa} > sN_{ti}$

4. Các Chương trình, dự án, tiểu dự án

a) Chương trình 30a

- Tiểu dự án 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

+ Phạm vi và đối tượng hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Các tiêu chí cụ thể: Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Định mức phân bổ: Về vốn đầu tư phát triển, định mức phân bổ hoạt động hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: Theo đúng định mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

+ Về kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 6,3% tổng vốn hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm.

- Tiêu dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (kinh phí sự nghiệp)

+ Phạm vi hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối tượng: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo; nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn; tổ chức và cá nhân có liên quan; tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

+ Các tiêu chí cụ thể: Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo do cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Định mức phân bổ: Định mức phân bổ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình cho xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: 0,3 tỷ đồng/xã/năm.

- Tiêu dự án 4. Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (kinh phí sự nghiệp)

+ Phạm vi hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

+ Đối tượng hỗ trợ: Lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; ưu tiên đối tượng lao động là thanh niên chưa có việc làm, đặc biệt là thanh niên thuộc hộ dân tộc thiểu số nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Chương trình 135

- Các tiêu chí cụ thể

+ Tiêu chí về xã (xã khu vực III);

+ Tiêu chí về áp đặc biệt khó khăn;

+ Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo.

- Cách tính hệ số các tiêu chí, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số của xã và mức phân bổ vốn được tính theo hướng dẫn tại Khoản 2, 3 Điều này.

Xã khu vực III, áp, khóm đặc biệt khó khăn theo các Quyết định, Nghị định, Nghị quyết... của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (kinh phí sự nghiệp)

- Phạm vi hỗ trợ: Các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

- Đối tượng hỗ trợ:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

+ Nhóm hộ, cộng đồng dân cư;

+ Tổ chức và cá nhân có liên quan;

+ Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

- Tiêu chí cụ thể, định mức phân bổ được tính theo hướng dẫn tại Khoản 2, 3 Điều này.

d) Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (kinh phí sự nghiệp)

Hàng năm, căn cứ vào mức vốn được trung ương phân bổ và văn bản hướng dẫn sử dụng của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao cho Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nguồn vốn của dự án này theo các quy định hiện hành.

đ) Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (kinh phí sự nghiệp)

Hàng năm, căn cứ vào mức vốn được trung ương phân bổ và văn bản hướng dẫn sử dụng của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao cho Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nguồn vốn của dự án này theo các quy định hiện hành.

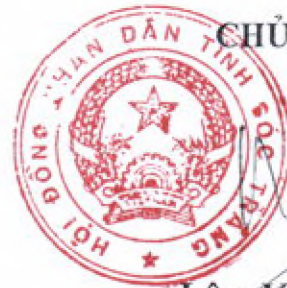
Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (tại Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt kết quả Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015, tỉnh Sóc Trăng).

5. Đối với kế hoạch vốn (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) được hỗ trợ từ ngân sách trung ương giai đoạn 2017 - 2020, hàng năm, các

huyện, thị xã không bắt buộc phải phân bổ vốn cho tất cả các xã theo các định mức, hệ số ưu tiên quy định, nhưng đảm bảo tổng mức vốn được phân bổ, đúng mục tiêu và đối tượng thụ hưởng.

6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách huyện, thị xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020

Các huyện, thị xã bố trí vốn đối ứng tối thiểu 10% tổng vốn được tỉnh giao để thực hiện Chương trình./.



CHỦ TỊCH

Lâm Văn Mẫn